

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2020/HS-ST
Ngày 12-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xem
Ông Sơn Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Lộc N, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2002. Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N1 và bà Trương Ngọc D; Anh, chị em ruột: 02 (hai) người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất là bị cáo. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 10 tháng 10 năm 2020 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1/ Ông Trần Văn N1, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cư trú: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

2/ Bà Trương Ngọc D, sinh năm 1978 (Có mặt)

Cư trú: Ấp V, xã H, huyện T, tỉnh V

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lưu Thị N2, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp V, xã H, huyện T, tỉnh V

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1993 (Vắng mặt);
Cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Văn N1 và bà Trương Ngọc D có mối quan hệ với nhau là vợ chồng. Sau khi kết hôn, ông Trần Văn N1 và bà Trương Ngọc D cùng sinh sống tại Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống ông Trần Văn N1 và bà Trương Ngọc D có 02 (hai) người con chung là Trần Thị Kim Q, sinh năm 1998 và bị cáo Trần Lộc N, sinh năm 2002. Khoảng đầu năm 2020 giữa ông Trần Văn N1 và bà Trương Ngọc D xảy ra mâu thuẫn và ly thân. Bà Trương Ngọc D cùng với Trần Thị Kim Q về sinh sống tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh V, còn ông Trần Văn N1 và Trần Lộc N tiếp tục sinh sống tại Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo Trần Lộc N biết hàng ngày ông Trần Văn N1 đi làm thuê không có nhà nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm Tivi nhãn hiệu Panasonic, màn hình phẳng màu đen 43 inch của gia đình bán lấy tiền tiêu xài cá nhân (Tivi ông Trần Văn N1 mua với giá 8.200.000 đồng, số tiền mua Tivi được ông Trần Văn N1 và bà Trương Ngọc D dành dụm trong thời gian còn sống chung). Khoảng 08 giờ ngày 20 tháng 6 năm 2020, bị cáo Trần Lộc N gọi điện thoại cho Nguyễn Minh T, cư trú ấp H, xã H, huyện V, tỉnh V để nhờ Nguyễn Minh T tìm người mua Tivi thì Nguyễn Minh T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64D1-302.48 đến nhà của bà Lưu Thị N2, trú ấp V, xã H, huyện T, tỉnh V để chở bà Lưu Thị N2 đi đến nhà bị cáo Trần Lộc N để bà Lưu Thị N2 mua Tivi (bà Lưu Thị N2 là dì ruột của Nguyễn Minh T). Khi đến nhà của bị cáo Trần Lộc N, bị cáo chỉ cho bà Lưu Thị N2 01 (một) cái Tivi nhãn hiệu Panasonic, màn hình phẳng màu đen 43 inch và bán với giá 4.000.000 đồng. Sau khi kiểm tra, thấy Tivi hoạt động bình thường, bà Lưu Thị N2 hỏi bị cáo Trần Lộc N là “cha mẹ có cho bán hay không” bị cáo Trần Lộc N mới nói là “cha mẹ tôi cho bán vì tôi ở nhà một mình và cha mẹ tôi đi làm thuê ở Thành phố H”. Nghe vậy, bà Lưu Thị N2 đồng ý mua và trả cho bị cáo Trần Lộc N số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo Trần Lộc N và Nguyễn Minh T đi ra phía nhà sau lấy thùng giấy CARTON nhãn hiệu Panasonic mang lên và để Tivi vào. Sau đó, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64D1-302.48 chở bà Lưu Thị N2 cùng 01 (một) cái Tivi vừa mua của bị cáo Trần Lộc N về nhà bà Lưu Thị N2. Có được tiền bị cáo Trần Lộc N đi đến Thành phố H làm thuê và đã tiêu xài hết số tiền bán Tivi.

Khoảng 13 giờ ngày 20/6/2020, ông Trần Văn N1 đi làm thuê về nhà thì phát hiện Tivi nhãn hiệu Panasonic, màn hình phẳng màu đen 43 inch mà ông mua đã bị mất, ông nghĩ chính bị cáo Trần Lộc N đã lấy trộm nên đến ngày 23 tháng 6 năm 2020 ông đến Công an xã T trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tố giác, nhận

thấy vụ việc vượt thẩm quyền giải quyết nên Công an chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành mời bị cáo Trần Lộc N đến làm việc. Quá trình làm việc bị cáo Trần Lộc N đã thừa nhận việc lấy trộm Tivi của gia đình bán với hành vi như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 24/BKL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận Tivi nhãn hiệu Panasonic, màn hình phẳng màu đen 43 inch được yêu cầu định giá có giá trị 6.560.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKS-HS ngày 15/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Trần Lộc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với Nguyễn Minh T qua làm việc T không có hưởng lợi từ việc bị cáo N bán Tivi. Còn bà Lưu Thị N2 do có nhu cầu mua Tivi về sử dụng trong gia đình nên khi T giới thiệu có người bán Tivi đã qua sử dụng thì bà N2 đồng ý mua. bà N2 hoàn toàn không biết Tivi mà bị cáo N bán là Tivi lấy trộm của gia đình.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Lộc N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, sau khi tranh tụng công khai, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Lộc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Trần Lộc N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc Tivi nhãn hiệu Panasonic, màn hình phẳng màu đen 43 inch bị cáo N lấy bán cho bà Lưu Thị N2 được thu hồi giao trả lại cho ông Trần Văn N1. Số tiền 4.000.000 đồng bà Lưu Thị N2 mua đã trả cho bị cáo N được bà Trương Ngọc D (mẹ bị cáo N) thay bị cáo trả lại cho bà Lưu Thị N2 xong nên không xem xét.

Bị cáo Trần Lộc N thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận tại phiên tòa. Lời nói sau cùng của bị cáo là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt, người làm chứng vắng mặt, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lưu Thị N2 và anh Nguyễn Minh T.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 08 giờ ngày 20/ 6/2020, bị cáo Trần Lộc N nhờ Nguyễn Minh T giới thiệu người mua Tivi và đã bán cho bà Lưu Thị N2 01 Tivi nhãn hiệu Panasonic, màn hình phẳng màu đen 43 inch của ông Trần Văn N1 giá trị 6.560.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn N1, bà Trương Ngọc D xác định Tivi là của ông bà mua, bị cáo Trần Lộc N không đóng góp vào mua tài sản, đối với bị cáo thừa nhận đây là tài sản của cha mẹ bị cáo, không phải của bị cáo. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên cần phải áp dụng hình phạt đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, tài sản được thu hồi và thuyết phục gia đình bồi thường cho người mua tài sản; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn; bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Do bị cáo có nơi cư trú ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử nghĩ không cần cách ly bị cáo Trần Lộc N ra khỏi xã hội và giành cho bị cáo một mức án nhưng được hưởng án treo như quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo Trần Lộc N lấy trộm được thu hồi giao trả cho bị hại, số tiền bị cáo nhận của bà N2 được mẹ ruột bị cáo thay bị cáo

tra cho bà N2 tài sản không có hư hỏng và bị hại không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Đối với Nguyễn Minh T và Lưu Thị N2, cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ. Vì qua làm việc T không biết bị cáo N lấy trộm tài sản của ông N1 và không có hưởng lợi từ việc bị cáo N bán Tivi cho bà N2. Đối với bà N2 do có nhu cầu mua Tivi về sử dụng trong gia đình nên khi T giới thiệu có người bán Tivi đã qua sử dụng thì bà N2 đồng ý mua, bà N2 hoàn toàn không biết Tivi mà bị cáo N bán là lấy trộm của ông N1.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Lộc N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Lộc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ các Điều 45, 260, 268, 269, 299 của Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Lộc N 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Giao bị cáo Trần Lộc N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được nhận lại tài sản, được nhận lại tiền mua Tivi không bị thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Lộc N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND h.C;
- Công an h.C;
- Cơ quan THAHS Công an h.C;
- CC.THADS h.C;
- UBND xã T;
- Bị cáo, bị hại, nlq;
- Lưu.

Đã ký